

Số: 2887/QĐ-UBND

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 22 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng có giá mua 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản phục vụ công tác kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm của Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 26 tháng 5 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài công;*

*Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;*

*Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (trừ máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;*

*Căn cứ Công văn số 193/HĐND-VP ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc cho ý kiến về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ công tác kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm của Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2810/TTr-STC ngày 23 tháng 7 năm 2020 và Công văn số 3699/STC-QLGCS&TCDN ngày 16 tháng 9 năm 2020 về việc đề nghị ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng có giá mua 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản phục vụ công tác kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm của Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng có giá mua 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản phục vụ công tác kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm của Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này*).

**Điều 2.**

1. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục trưởng Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản căn cứ tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; đầu tư, mua sắm, thuê máy móc, thiết bị chuyên dùng theo quy định của Luật Đầu tư công và Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

2. Kho bạc nhà nước tỉnh căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng ban hành kèm theo Quyết định này thực hiện kiểm soát chi theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Chi cục trưởng Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- TTr. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH6. (4)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**  
  
**Lê Ngọc Khánh**





**PHỤ LỤC**

**Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng có giá mua 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản phục vụ công tác kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm của Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
<b>1</b>	<b>Hệ thống sắc ký khí – GC đầu dò ECD – FID</b>	<b>Hệ thống</b>	<b>1</b>
1.1	Bộ máy sắc ký khí – GC đầu dò ECD – FID	Bộ	1
1.2	Các thiết bị phụ trợ		
1.2.1	Máy vortex	Cái	1
1.2.2	Bể siêu âm	Cái	1
1.2.3	Máy xay mẫu đa năng	Cái	1
1.2.4	Bộ Dispenser	Bộ	1
1.2.5	Bộ Micropipet	Bộ	1
1.2.6	Hệ thống làm khô dung môi	Hệ thống	1
1.2.7	Bộ công tiêm mẫu kiểu chia dòng/không chia dòng (S/SL) loại tháo lắp nhanh	Bộ	1
1.2.8	Hệ thống đưa mẫu tự động (Autosampler) – loại tiêm mẫu không gian pha hơi (Headspace)	Hệ thống	1
<b>2</b>	<b>Hệ thống sắc ký ION - IC</b>	<b>Hệ thống</b>	<b>1</b>
2.1	Bộ máy sắc ký ION - IC	Bộ	1
2.2	Các thiết bị phụ trợ		
2.2.1	Máy ly tâm	Cái	1
2.2.2	Máy lắc	Cái	1
2.2.3	Máy vortex	Cái	1
2.2.4	Bộ Dispenser	Bộ	1
2.2.5	Bộ Micropipet	Bộ	1
<b>3</b>	<b>Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng siêu cao UHPLC - Đầu dò FLD và RID</b>	<b>Hệ thống</b>	<b>1</b>
3.1	Bộ máy sắc ký lỏng hiệu năng siêu cao UHPLC - Đầu dò FLD và RID	Bộ	1
3.2	Các thiết bị phụ trợ		
3.2.1	Cột sắc ký	Cây	20
3.2.2	Bộ Dispenser	Bộ	1
3.2.3	Bộ Micropipet	Bộ	1
<b>4</b>	<b>Hệ thống quang phổ tử ngoại khả kiến UV-VIS</b>	<b>Hệ thống</b>	<b>1</b>
4.1	Bộ máy quang phổ tử ngoại khả kiến UV-VIS	Bộ	1
4.2	Các thiết bị phụ trợ		



STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
4.2.1	Bể điều nhiệt	Cái	1
4.2.2	Hệ thống lọc nước siêu sạch	Hệ thống	1
4.2.3	Hệ thống camera giám sát	Hệ thống	1
<b>5</b>	<b>Hệ thống quang phổ hấp thụ nguyên tử</b>	<b>Hệ thống</b>	<b>1</b>
5.1	Bộ máy quang phổ hấp thụ nguyên tử (AAS)	Bộ	1
5.2	Các thiết bị phụ trợ		
5.2.1	Lò Graphite	Cái	1
5.2.2	Bộ Dispenser	Bộ	1
5.2.3	Bộ Micropipet	Bộ	1
5.2.4	Bếp điện	Cái	1
5.2.5	Hệ thống dẫn khí nén	Hệ thống	1
5.2.6	Hệ thống phòng sạch	Hệ thống	1
<b>6</b>	<b>Hệ thống máy quang phổ cận hồng ngoại biến đổi Fourier (FT-NIR)</b>	<b>Hệ thống</b>	<b>1</b>
<b>7</b>	<b>Hệ thống sắc ký lỏng ghép nối khối phổ 2 lần</b>	<b>Hệ thống</b>	<b>2</b>
7.1	Bộ máy sắc ký lỏng ghép nối khối phổ 2 lần	Bộ	2
7.2	Các thiết bị phụ trợ		
7.2.1	Máy ly tâm	Cái	1
7.2.2	Tủ hút khí độc hoá chất	Cái	1
7.2.3	Máy lắc	Cái	2
7.2.4	Bộ máy xay mẫu đa năng	Bộ	1
7.2.5	Bộ Dispenser	Bộ	1
7.2.6	Bộ Micropipet	Bộ	1
<b>8</b>	<b>Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng siêu cao UHPLC - Đầu dò DAD</b>	<b>Hệ thống</b>	<b>1</b>
8.1	Bộ máy sắc ký lỏng hiệu năng siêu cao UHPLC - Đầu dò DAD	Bộ	1
8.2	Các thiết bị phụ trợ		
8.2.1	Máy ly tâm	Cái	1
8.2.2	Bộ Dispenser	Bộ	1
8.2.3	Bộ Micropipet	Bộ	1
8.2.4	Bộ máy tính xách tay và hệ thống máy chiếu	Bộ	1
<b>9</b>	<b>Hệ thống thiết bị chiết gia tốc dung môi tự động</b>	<b>Hệ thống</b>	<b>1</b>
<b>10</b>	<b>Hệ thống thiết bị chiết pha rắn tự động</b>	<b>Hệ thống</b>	<b>1</b>
<b>11</b>	<b>Hệ thống kính hiển vi có gắn camera kỹ thuật số</b>	<b>Hệ thống</b>	<b>1</b>
<b>12</b>	<b>Thiết bị cô đặc mẫu siêu nhanh</b>	<b>Cái</b>	<b>1</b>
<b>13</b>	<b>Máy phát điện</b>	<b>Cái</b>	<b>2</b>
<b>14</b>	<b>Hệ thống chưng cất đậm</b>	<b>Hệ thống</b>	<b>2</b>
14.1	Bộ vô cơ hoá mẫu	Bộ	2
14.2	Máy chưng cất đậm	Cái	2
14.3	Các thiết bị phụ trợ		



STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
14.3.1	Ổng phá mẫu kendan	Ổng	20
14.3.2	Bộ máy tính và máy in	Bộ	1
14.3.3	Bộ máy đồng hoá mẫu	Bộ	1
14.3.4	Tủ hút khí độc hoá chất	Cái	1
14.3.5	Tủ hút phá mẫu acid	Cái	2
14.3.6	Bộ Dispenser	Bộ	1
14.3.7	Bộ Micropipet	Bộ	1
14.3.8	Xe đẩy chuyên dùng	Cái	3
<b>15</b>	<b>Hệ thống Real-Time PCR</b>	<b>Hệ thống</b>	<b>1</b>
15.1	Bộ máy Real time PCR	Bộ	1
15.2	Các thiết bị phụ trợ		
15.2.1	Bình hút âm	Cái	2
15.2.2	Hệ thống bơm hút chân không	Hệ thống	2
15.2.3	Tủ sấy	Cái	2
15.2.4	Bộ Dispenser	Bộ	1
15.2.5	Bộ Micropipet	Bộ	1
15.2.6	Bộ máy tính và máy in	Bộ	1
15.2.7	Tủ an toàn sinh học cấp 2	Cái	1
15.2.8	Pass box (Hộp trung chuyển mẫu chuyên dụng)	Cái	4
<b>16</b>	<b>Máy tách chiết tự động</b>	<b>Cái</b>	<b>1</b>
<b>17</b>	<b>Máy phân tích các chỉ tiêu môi trường nước</b>	<b>Cái</b>	<b>3</b>
<b>18</b>	<b>Máy rửa dụng cụ thủy tinh</b>	<b>Cái</b>	<b>1</b>
<b>19</b>	<b>Hệ thống xử lý khí độc</b>	<b>Hệ thống</b>	<b>1</b>
<b>20</b>	<b>Máy chưng cất axit tinh khiết</b>	<b>Cái</b>	<b>1</b>
<b>21</b>	<b>Hệ thống chuẩn bị mẫu tự động</b>	<b>Hệ thống</b>	<b>1</b>